ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

Số: 196 /KH-THTCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 6, ngày 04 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tổ chức đánh giá, kiểm tra định kì cuối học kì I
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Công văn số 1019/GDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 về Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 1245/GDĐT-TH ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 68/KH-THTCĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 của trường Tiểu học Trương Công Định về Kế hoạch giáo dục năm học 2024 – 2025;

Trường Tiểu học Trương Công Định xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá, kiểm tra định kì cuối học kì I năm học 2024-2025 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Việc kiểm tra, đánh giá định kì cuối học kì I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh, mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

2. Yêu cầu

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nội dung kiểm tra giới hạn từ tuần 01 đến tuần 17, những kiến thức kĩ năng nào được giảng dạy với số tiết nhiều hơn thì ưu tiên ra đề kiểm tra.

Giáo viên cần đảm bảo học sinh được học tập và rèn luyện đầy đủ các nội dung, phẩm chất, năng lực trước thời điểm đánh giá học sinh. Không để áp lực thời gian chi phối dẫn đến việc học sinh không được học tập và rèn luyện trước khi tham gia kiểm tra, đánh giá

Tổ chức kiểm tra định kì nghiêm túc nhưng phải nhẹ nhàng, thân thiện; không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em trước kì kiểm tra.

Giáo viên là người chịu trách nhiệm trước các nhà trường về việc minh bạch, khách quan, trung thực trong đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Đề kiểm tra phải được bảo mật.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức ôn tập cho học sinh

Giáo viên xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh lớp mình có kết quả đánh giá thường xuyên chưa hoàn thành; thông báo lịch kiểm tra và phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện ôn tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà cho học sinh học; không soạn đề cương bắt buộc học sinh làm bài, tránh việc nhồi nhét kiến thức dưới hình thức học thuộc lòng bài mẫu, đề cương; không cho học sinh tập chép cả văn bản. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, tự rèn luyện theo đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng.

2. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì cuối học kì I

2.1. Đánh giá thường xuyên: theo Điều 6 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT

2.1.1. Đánh giá thường xuyên về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục

a) Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, nhưng chủ yếu thông qua lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; trao đổi nhận xét vào phiếu học tập hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết qua các phần mềm ứng dụng để có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời.

b) Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập.

c) Cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện.

2.1.2. Đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

a) Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

b) Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi để hoàn thiện bản thân.

c) Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi.

2.2 Đánh giá định kì: theo Điều 7 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT

2.2.1 Đánh giá định kì về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh, đánh giá theo các mức sau:

a) Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

b) Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

c) Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

2.2.2. Đánh giá định kì về học tập

Tổ chức đánh giá, kiểm tra định kì cuối học kì I đối với học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và theo lịch kiểm tra chung của trường.

* Đối với các môn học không có bài kiểm tra định kì

Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kĩ năng để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức sau:

+ Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

+ Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

+ Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

* Đối với các môn học có bài kiểm tra định kì

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì; có quyết định thành lập hội đồng kiểm tra định kì, hội đồng ra đề, duyệt đề, bảo mật đề, lập biên bản giao nhận bài kiểm tra; coi, chấm kiểm tra định kì. Quy trình ra đề, thẩm định đề, duyệt đề phải thực hiện nghiêm túc, cẩn trọng để đảm bảo tính chính xác, khoa học.

Nội dung đề kiểm tra định kì căn cứ theo yêu cầu cần đạt của từng môn học được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 và định hướng phát triển năng lực học sinh; đồng thời thực hiện đúng các hướng dẫn, rút kinh nghiệm của các cấp quản lí giáo dục; những kiến thức, kĩ năng nào được giảng dạy với số tiết nhiều hơn thì ưu tiên ra đề kiểm tra. Nội dung giới hạn từ tuần 1 đến tuần 17 yêu cầu:

- Câu lệnh trong đề kiểm tra cần tường minh, chặt chẽ, khoa học. Phần hướng dẫn chấm phải chi tiết, rõ ràng từng câu và có đáp án chính xác. Đáp án phải phù hợp với yêu cầu của lệnh đề.

- Đảm bảo tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 3 mức độ nhưng phù hợp với tình hình hiện nay.

Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập (50%)

Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự (30%)

Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống (20%)

3. Thời gian kiểm tra *(đính kèm lịch kiểm tra)*

4. Nội dung kiểm tra

4.1. Môn Tiếng Việt

A. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

a) Đọc thành tiếng:

- Đọc thành tiếng 01 đoạn/văn bản (chọn văn bản theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn), tránh sử dụng văn bản đã học.

- Trả lời 01 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

- Yêu cầu tốc độ đọc:

Lớp 1: khoảng 30 - 40 tiếng/phút.

Lớp 2: khoảng 60 - 65 tiếng/phút

Lớp 3: khoảng 70 - 75 tiếng/phút

Lớp 4: khoảng 80 - 85 tiếng/phút

Lớp 5: khoảng 90 - 95 tiếng/phút

- Số điểm:

Lớp 1: 6 điểm

Lớp 2: 4 điểm

Lớp 3: 4 điểm

Lớp 4: 2 điểm

Lớp 5: 2 điểm

b) Đọc hiểu:

- Thời gian làm bài: 30 phút

- Chọn văn bản để thiết kế câu hỏi, bài tập đọc hiểu theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn về độ dài, thể loại, nội dung, ... Tránh sử dụng văn bản đã học

Lớp 1. Truyện và đoạn văn miêu tả: 95-100 chữ, Thơ: 55-60 chữ, Thông tin: 80 chữ

Lớp 2. Truyện: 160-170 chữ, Văn miêu tả: 140-150 chữ, Thơ: 70-75 chữ, Thông tin: 105-110 chữ

Lớp 3. Truyện: 210-225 chữ, Văn miêu tả: 185-190 chữ, Thơ: 85-90 chữ, Thông tin: 125-135 chữ.

Lớp 4: Truyện, kịch: khoảng 290-300 chữ; Miêu tả: khoảng 210-220 chữ; Thơ: khoảng 100-105 chữ; Văn bản Thông tin: khoảng 155-160 chữ.

Lớp 5: Truyện, kịch: khoảng 310-320 chữ; Miêu tả: khoảng 210-220 chữ; Thơ: khoảng 115-120 chữ; Văn bản Thông tin: khoảng 230 chữ

- Hình thức:

Lớp 1:

Đọc thành tiếng các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần đã học;

Đọc tiếng và đọc từ kết hợp hiểu nghĩa từ có gợi ý bằng hình ảnh;

Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa có gợi ý bằng hình ảnh;

Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết được thông tin quan trọng trong đoạn.

Lớp 2 & Lớp 3

Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 4 điểm), gồm: 4 câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận

Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 2 điểm), gồm: 2 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu hỏi tự luận

Lớp 4 & Lớp 5

Câu hỏi đọc hiểu văn bản (khoảng 5 điểm), gồm: 4 câu hỏi trắc nghiệm và 3 câu hỏi tự luận

Câu hỏi kiến thức tiếng Việt (khoảng 3 điểm), gồm: 2 câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận

B. Bài kiểm tra viết

Thời gian làm bài: 35 phút

a) Viết

Điểm và số lượng chữ đảm bảo theo quy định:

Lớp 1 (6 điểm): 20 - 25 chữ/35 phút

+ Viết chữ cái, vần mới học;

+ Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới;

+ Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu;

+ Viết lại câu ngắn.

Lớp 2 (4 điểm): 40 - 45 chữ/15 phút

Lớp 3 (4 điểm): 60 - 65 chữ /15 phút

Sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa gắn với chủ điểm Tiếng Việt.

Giáo viên đọc cho học sinh viết vào giấy đoạn văn (thơ) với yêu cầu viết tựa bài, tên tác giả và đoạn văn (thơ). Riêng lớp 1 HS nhìn viết âm, vần, từ và câu và làm bài tập.

b) Viết đoạn văn, bài văn

Lớp 1 (4 điểm) Viết từ/tiếng tạo thành câu có nghĩa theo gợi ý.

Lớp 2 (6 điểm) Viết đoạn văn ngắn: 3 - 4 câu.

Lớp 3 (6 điểm) Viết đoạn văn ngắn 6 -7 câu.

Lớp 4 & Lớp 5 (10 điểm)

Yêu cầu: Viết đoạn văn, bài văn theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn đối với lớp 4 và lớp 5. Tránh sử dụng các đề bài đã học.

- Hình thức: (Khoảng 3 điểm)

+ Đoạn văn, bài văn đúng yêu cầu về kiểu, loại văn bản.

+ Đoạn văn, bài văn có bố cục rõ ràng *(mở đầu, triển khai, kết thúc)*.

+ Các câu, đoạn sắp xếp theo một trình tự hợp lí; có sự liên kết.

- Nội dung (Khoảng 4 điểm)

+ Lớp 4: Viết được bài văn thuật lại một sự việc, Viết thư cho người thân, Viết đoạn văn tưởng tượng (hoặc nêu tình cảm, cảm xúc), Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện.

+ Lớp 5: Viết báo cáo công việc, Viết bài văn kể chuyện sáng tạo, Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

- Kĩ năng: (Khoảng 3 điểm)

+ Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

4.2. Môn Toán

Thời gian làm bài: 35 phút

Hình thức kiểm tra kết hợp hai hình thức: trắc nghiệm khách quan và tự luận theo tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận.

Nội dung kiểm tra từ tuần 1 đến Tuần 17.

Tỉ lệ giữa các mức độ:

Mức 1 khoảng 50%

Mức 2 khoảng 30%

Mức 3 khoảng 20%

Tỉ lệ các mạch kiến thức:

Tên nội dung, chủ đề, mạch kiến thức	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Số và phép tính (%)	70	60	65	45	60
Hình học và đo lường (%)	10	20	15	15	25
Một số yếu tố thống kê và xác suất (%)	/	10	/	10	5
Hoạt động thực hành và trải nghiệm (%)	20	10	20	30	10

4.3. Môn Khoa học lớp 4 & 5

Nội dung ôn tập từ Tuần 1 đến 16.

Thời gian làm bài cuối học kì I là 35 phút.

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận.

Thực hiện soạn đề theo ma trận có 3 mức độ

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; (50%)

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; (30%)

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. (20%)

Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

4.4. Môn Lịch sử và Địa lý lớp 4 & 5

Nội dung ôn tập từ Tuần 1 đến 16

Thời gian làm bài cuối học kì I là 35 phút.

Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng - Sai, điền khuyết - viết tiếp, đối chiếu cặp đôi, ...)

Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi.

* Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với học sinh chưa nắm vững kiến thức;

- Mỗi phương án sai xây dựng dựa trên các lỗi nhận thức sai lệch của học sinh;

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

- Hạn chế đưa ra phương án "Tất cả các đáp án trên đều đúng" hoặc "không có phương án nào đúng".

* Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;

- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

4.5. Môn Công nghệ lớp 3, lớp 4 và lớp 5

Nội dung ôn tập từ Tuần 1 đến tuần 16.

Thời gian làm bài cuối học kì I là 35 phút.

Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1 (50%), mức 2 (30%), mức 3 (20%)

4.6. Môn Tiếng Anh

Đối với lớp 1, lớp 2: Thực hiện bài kiểm tra theo 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết chỉ yêu cầu nắm bắt tình hình học tập, không sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục cuối kì của học sinh.

Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: Nội dung ôn tập cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary).

Bám sát theo công văn số 1245/GDĐT-TH ngày 07/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 (Phụ lục 8) về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2024-2025.

Đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách Family and Friends National Edittion.

Học sinh ôn tập theo 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

4.7. Môn Tin học

Đối với lớp 1, lớp 2: Học sinh được đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, tuy nhiên kết quả đánh giá chỉ nhằm mục đích ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, không sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục cuối kì của học sinh.

Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: Cuối mỗi học kì, học sinh thực hiện bài kiểm tra định kì với ba mức độ theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%). Bài kiểm tra định kì cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân. Bài kiểm tra bao gồm:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm);

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy tính (tỉ lệ 50% số điểm).

Kết quả bài kiểm tra định kì được chọn như một trong nhiều yếu tố để tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục. Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kì về môn học, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục cho học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

5. Việc ra đề KTĐK cuối học kì I

Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn thông nhất ma trận đề KTĐK chặng cuối học kì I.

Giáo viên phụ trách từng lớp gửi đề KTĐK cuối học kì I đề xuất của cá nhân trên cơ sở ma trận đề đã được tổ khối thống nhất và được Phó Hiệu trưởng phê duyệt.

Tổ chuyên môn thảo luận các đề do giáo viên phụ trách từng lớp đề xuất và thống nhất chọn hoặc biên soạn lại đề và trình cho Phó Hiệu trưởng phê duyệt (biên bản).

Số lượng đề gửi cho hiệu trưởng phê duyệt 03 bộ/môn.

Phó Hiệu trưởng sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra, điều chỉnh đề cho đúng quy định và chọn lại 1 đề chính thức và 1 đề dự phòng để làm đề kiểm tra cho khối. Đề kiểm tra sẽ được Phó hiệu trưởng xem xét cẩn thận, tránh sai sót (biên bản).

Khâu in ấn đề kiểm tra định kì: Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và văn thư chịu trách nhiệm khâu in ấn và bảo mật đề.

Thời gian tổ chuyên môn nộp đề về ban giám hiệu từ ngày 25/12/2024 đến ngày 31/12/2024.

6. Tổ chức coi kiểm tra định kì

Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia coi kiểm tra định kì.

+ Lớp 1: giáo viên chủ nhiệm lớp 1 và giáo viên lớp 2 cùng coi kiểm tra định kì.

+ Lớp 2: giáo viên chủ nhiệm lớp 2 và giáo viên lớp 3 cùng coi kiểm tra định kì.

+ Lớp 3: giáo viên chủ nhiệm lớp 3 và giáo viên lớp 4 cùng coi kiểm tra định kì.

+ Lớp 4: giáo viên chủ nhiệm lớp 4 và giáo viên lớp 5 cùng coi kiểm tra định kì.

+ Lớp 5: giáo viên chủ nhiệm lớp 5 và giáo viên lớp 3, lớp 2, lớp 1 cùng coi kiểm tra định kì.

Phân công giám thị theo tiêu chí: giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên khác khối làm giám thị 1.

7. Tổ chức chấm kiểm tra định kì

Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên khác khối cùng tham gia chấm kiểm tra định kì:

+ Lớp 1: giáo viên lớp 1 và giáo viên lớp 2 cùng chấm kiểm tra định kì

+ Lớp 2: giáo viên lớp 2 và giáo viên lớp 3 cùng chấm kiểm tra định kì

+ Lớp 3: giáo viên lớp 3 và giáo viên lớp 4 cùng chấm kiểm tra định kì

+ Lớp 4: giáo viên lớp 4 và giáo viên lớp 5 cùng chấm kiểm tra định kì

+ Lớp 5: giáo viên lớp 5 và giáo viên lớp 3, lớp 2, lớp 1 cùng chấm kiểm tra định kì.

Phân công giám khảo theo tiêu chí: giáo viên chủ nhiệm làm giám khảo 2 và giáo viên lớp trên làm giám khảo 1.

Giáo viên chấm bài tập trung tại trường theo biểu điểm, đáp án đã thống nhất.

Bài kiểm tra định kì được giáo viên nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế vào bảng điểm của từng môn.

Giáo viên cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân

Lưu ý quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

+ Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kĩ năng và không được làm tròn. *Ví dụ: điểm nội dung Đọc hiểu là 6,5; nội dung Đọc thành tiếng là 2; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5.*

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. *Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 17, quy về thang điểm 10 là 8,5 (làm tròn số thành 9).*

Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

8. Đánh giá học sinh khuyết tật

Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập; học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt; học sinh lang thang cơ nhỡ, lớp học linh hoạt thực hiện theo Điều 8 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và theo công văn số 1473/GDĐT-TrH ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập.

Căn cứ vào khả năng tiếp thu kiến thu của học sinh, giáo viên chủ nhiệm xây dựng đề kiểm tra riêng phù hợp với năng lực của từng học sinh và lập danh sách những em học sinh có thực hiện đề kiểm tra riêng. Giáo viên chủ nhiệm nộp đề kiểm tra cho học sinh học hòa nhập và danh sách học sinh thực hiện đề kiểm tra riêng cho Hiệu trưởng phê duyệt ngày 25/12/2024.

9. Về giải quyết khiếu nại của PHHS

Sau khi có kết quả bài kiểm tra đánh giá định kì của các môn, Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên tiếp nhận đơn của cha mẹ học sinh (nếu có) và hẹn thời gian trả lời chính xác. Các nội dung trả lời phải rõ ràng, cụ thể, đúng nội dung. Hiệu trưởng luôn nhắc nhở giáo viên đón tiếp cha mẹ học sinh ân cần, thân thiện, tránh gây phiền hà cho cha mẹ học sinh.

10. Thực hiện hồ sơ đánh giá

Thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

- Hồ sơ đánh giá gồm Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

- Giáo viên ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu giữ tại nhà trường theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức đánh giá, kiểm tra định kì cuối học kì I năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học Trương Công Định. Đề nghị cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn triển khai đến giáo viên, học sinh và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung của kế hoạch trên./.

Nơi nhận:
- PGD&ĐT
- PHT; TTCM;
- Lưu: VT,.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

Lý Thị Mai Hương